

Bản án số: 172/2019/HS-PT
Ngày: 01/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Luông.
- *Các Thẩm phán:*
 - 1. Ông Nguyễn Huỳnh Đức;
 - 2. Ông Lê Quân Vương;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Lữ Thị Lệ Huyền - Kiểm sát viên.

Vào ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 189/2019/TLPT-HS ngày 11 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo Danh D. Do có kháng cáo của bị cáo Danh D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2019/HS – ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- *Bị cáo kháng cáo:*

Danh D, sinh năm 1996 tại tỉnh Kiên Giang. Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Trình độ học vấn: 02/12. Nghề nghiệp: Công nhân; dân tộc: Khơme; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; con ông D, sinh năm 1973 và bà Nền U, sinh năm 1982; vợ: Đỗ Thị T, sinh năm 1997 và có 01 người con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Trong vụ án còn có 01 bị hại không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Danh D và ông Huỳnh Thanh L quen biết nhau do cùng làm công nhân tại Công ty M thuộc khu phố Tân Hội, phường Tân Hiệp, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 07 giờ ngày 10/11/2018, ông L điều khiển xe mô tô biển số 69N1-121.52 đi từ nhà trọ đến Công ty M để làm việc. Khi đến nơi ông L gửi xe vào bãi giữ xe của công ty rồi đi vào công ty làm việc, cùng thời điểm này Danh D đi bộ từ nhà trọ thuộc phường Tân Hiệp, thị xã T đến Công ty M để làm việc. Khoảng 11 giờ cùng ngày, khi D đang làm việc trong công ty, thì người bạn tên C (không rõ nhân thân, lai lịch) gọi điện thoại bảo D cho mượn xe mô tô để C đi lấy đồ ở quê gửi lên, D đồng ý. Đến khoảng 16 giờ 15 phút cùng ngày, D bảo L cho D mượn xe mô tô 69N1-121.52 để D đi công việc thì L đồng ý và giao xe mô tô biển số 69N1-121.52 cho D. Sau khi mượn được xe, D điều khiển xe 69N1-121.52 đi từ nhà để xe của Công ty M đi ra phía ngoài cổng công ty thì gặp C. Tại đây, C bảo D chở C đi đến cây xăng Kim Hằng thuộc phường Khánh Bình, thị xã T để lấy đồ, sau đó D điều khiển xe 69N1-121.52 chở C đi đến cây xăng Kim Hằng. Khi đến nơi, C không lấy được đồ nên nói D đứng đợi C tại đây và cho C mượn xe 69N1-121.52 để đi tìm lấy đồ. D đồng ý giao xe 69N1-121.52 cho C. Khoảng 01 giờ sau, không thấy C mang xe 69N1-121.52 trả nên D gọi điện thoại cho C thì C nói cho C mượn xe khoảng 01 tuần. Lúc này, L gọi điện thoại cho D nhưng D không nghe máy, D sợ L bảo D mang xe 69N1-121.52 về trả. Sau đó, D đi đến huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh để sống và làm việc.

Sau khi cho Danh D mượn xe 69N1-121.52, đến ngày 12/11/2018, ông L không thấy Danh D mang xe 69N1-121.52 về trả nên ông L đến Công an phường Tân Hiệp, thị xã T, tỉnh Bình Dương trình báo vụ việc. Sau đó, Công an phường Tân Hiệp lập hồ sơ ban đầu chuyển hồ sơ vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Đến ngày 14/11/2018, D gọi điện thoại cho C để yêu cầu C mang xe 69N1-121.52 trả lại cho D. Sau đó C mang xe 69N1-121.52 đến huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh để trả xe 69N1-121.52 cho D. Sau khi C trả xe mô tô 69N1-121.52, D không mang trả lại cho ông L mà nảy sinh ý định sử dụng xe mô tô 69N1-121.52 để làm phương tiện đi lại. Thực hiện ý định, D đi về quê thuộc xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang lấy 01 biển số xe mã 59 của một xe mô tô cũ của nhà D (các số sau D không nhớ) rồi tháo biển số 69N1-121.52 ra và gắn biển số này vào.

Sau khi vụ việc xảy ra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T phối hợp với Công an xã Vĩnh Điều, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang để xác minh và mời Danh D đến để làm việc. Đến ngày 28/5/2019, bà Nền Uol (là mẹ của D) nói cho D biết là Công an xã Vĩnh Điều đến nhà thông báo D chiếm đoạt xe của người khác, nên ngày 29/5/2019, D tháo biển số xe mã 59 ra rồi gắn biển số 69N1-121.52 vào rồi điều khiển xe 69N1-121.52 từ huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến phường Tân Hiệp, thị xã T, Bình Dương trả xe 69N1-121.52 cho ông L, còn biển số xe mã 59 thì D đã vứt bỏ trên đường đi. Sau đó, D đến Cơ

quan CSĐT Công an thị xã T khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt xe 69N1-121.52 của ông L. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T lập biên bản thu giữ 01 xe mô tô biển số 69N1-121.52 (do ông Huỳnh Thanh L giao nộp).

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 67/KLTS-TTHS ngày 25/2/2019 của Hội đồng định giá giá trị tài sản Ủy ban nhân dân thị xã T xác định (bút lục số 38): 01 (một) xe mô tô biển số 69N1-121.52 nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 9.500.000 đồng.

Xe mô tô biển số 69N1 – 121.52 do ông Huỳnh Thanh L đứng tên đăng ký chủ sở hữu (bút lục 102). Ngày 03/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 151 và trả lại xe mô tô biển số 69N1 – 121.52 cho ông L. Ông L không yêu cầu gì khác. Ngoài ra, bị cáo D còn bồi thường cho ông L 1.000.000 đồng để sửa chữa xe.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2019/HS – ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Danh D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Danh D 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 11/9/2019, bị cáo Danh D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng, bị cáo kháng cáo trong thời gian quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm để xem xét giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị cáo là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Danh D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả. Về nhân thân: Bị cáo là người Khỏe, ít học, nhận thức pháp luật hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn phải nuôi vợ, con nhỏ và mẹ già. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, chuyển hình phạt từ tù giam sang án tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách là 01 năm. Giao bị cáo Danh D về Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Danh D xin được hưởng án treo để có điều kiện lao động chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Danh D đã khai nhận hành vi phạm tội như sau: Ngày 10/11/2018, tại phường Tân Hiệp, thị xã T, tỉnh Bình Dương, Danh D đã lợi dụng sự tin tưởng của ông Huỳnh Thanh L, hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 69N1 – 121.52 để sử dụng. Sau đó, D thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô nêu trên của ông L. Tại thời điểm bị chiếm đoạt, xe mô tô biển số 69N1 – 121.52 giá trị là 9.500.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Danh D: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội được nêu trong nội dung bản án sơ thẩm. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người dân tộc Khmer, trình độ học vấn thấp, tài sản chiếm đoạt đã được bị cáo tự nguyện giao trả cho bị hại và đến đầu thú tại Cơ quan điều tra, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo đang nuôi con nhỏ. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, hình phạt bản án sơ thẩm đã tương xứng với tính chất hành vi, mức độ phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên không cần bắt bị cáo thi hành hình phạt tù, cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đủ phát huy tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng án treo.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Danh D được chấp nhận nên bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Danh D; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2019/HS – ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương, như sau:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Danh D 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm, tính từ ngày tuyên án (ngày 01/11/2019) về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Giao bị cáo Danh D về Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Danh D không phải nộp.

3. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 01/11/2019)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương; 1
- TAND thị xã T; 2
- VKSND thị xã T; 1
- Chi cục THADS thị xã T; 1
- Phòng PV06 - Công an tỉnh BD; 1
- Công an thị xã T; 1
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; 1
- Bị cáo. 1
- UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; 1
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA, Tòa HS. 3

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Luông